CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 157/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này một số thuật ngữ được hiểu như sau:

1. Kiểm lâm viên là công chức thuộc các ngạch kiểm lâm biên chế trong lực lượng kiểm lâm.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Lâm sản là sản phẩm khai thác từ thực vật, động vật, vi sinh vật và các bộ phận, dẫn xuất của chúng có nguồn gốc từ rừng (kể cả động vật thủy sinh có nguồn gốc bản địa hoặc không có nguồn gốc bản địa nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép nuôi, thả tại các ao, hồ, sông, suối trong rừng).

3. Gỗ tròn: Bao gồm gỗ nguyên khai, gỗ đẽo tròn, gỗ lóc lõi có đường kính đầu nhỏ từ 10 cm đến dưới 20 cm, chiều dài từ 1 m trở lên hoặc có đường kính đầu nhỏ từ 20 cm trở lên, chiều dài từ 30 cm trở lên. Riêng đối với gỗ rừng trồng, rừng tràm, rừng đước, rừng ngập mặn có đường kính đầu nhỏ từ 6 cm trở lên, chiều dài từ 1 m trở lên. Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm không phân biệt kích thước.

4. Củi được khai thác từ thực vật rừng thân gỗ, là bộ phận của chúng có kích thước nhỏ hơn đối với quy cách gỗ tròn quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc các phế liệu của chúng sau chế biến.

5. Thực vật rừng nhóm IA, IIA; động vật rừng nhóm IB, IIB là những loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của Chính phủ.

6. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm:

a) Lâm sản khai thác, mua, bán, vận chuyển, cất giữ, chế biến, kinh doanh trái quy định của pháp luật.

b) Công cụ, đồ vật sử dụng thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

c) Phương tiện gồm: Các loại xe cơ giới đường bộ, xe mô tô, xe đạp, xe thô sơ, súc vật, tàu thủy, ca-nô, thuyền, các phương tiện khác được sử dụng vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

7. Phương tiện bị người vi phạm hành chính chiếm đoạt trái phép là trường hợp phương tiện của chủ sở hữu hợp pháp bị người có hành vi vi phạm hành chính trộm cắp, cướp, cưỡng đoạt, lợi dụng chủ tài sản không có điều kiện ngăn cản để công khai chiếm đoạt (công nhiên chiếm đoạt) hoặc các hành vi trái pháp luật khác tước đoạt quyền chiếm hữu, quản lý, sử dụng của chủ sở hữu hợp pháp phương tiện đó.

8. Phương tiện bị người vi phạm sử dụng trái phép thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chủ sở hữu hợp pháp của phương tiện cho người khác thuê, mượn hoặc thuê người khác điều khiển phương tiện đó để sử dụng vào mục đích chính đáng, nhưng người được thuê, được mượn phương tiện hoặc người được thuê điều khiển phương tiện đó đã tự ý sử dụng phương tiện để vi phạm hành chính.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Chủ sở hữu hợp pháp đối với phương tiện của mình hoặc người quản lý hợp pháp đối với phương tiện thuê của chủ sở hữu hợp pháp giao cho người lao động của mình quản lý, điều khiển, sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh hợp pháp, nhưng người lao động đã tự ý sử dụng các phương tiện đó để vi phạm hành chính.

Việc cho thuê, cho mượn hoặc thuê người điều khiển phương tiện phải được giao kết bằng văn bản giữa chủ sở hữu hợp pháp và người được thuê, được mượn theo quy định của pháp luật trước khi hành vi vi phạm xảy ra. Bản giao kết phải ghi rõ mục đích, nội dung sử dụng phương tiện cho thuê, cho mượn hoặc thuê người điều khiển. Đối với cá nhân cho thuê, cho mượn hoặc thuê người điều khiển phương tiện thì Bản giao kết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phương tiện bị tạm giữ, người có hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật phải xuất trình văn bản giao kết đó cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc.

Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, b, c, d, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

1. Buộc trồng lại rừng hoặc thanh toán chi phí trồng lại rừng theo suất đầu tư được áp dụng ở địa phương tại thời điểm vi phạm hành chính.

2. Buộc trả lại diện tích rừng bị lấn, chiếm.

3. Buộc thực hiện ngay việc hoàn thổ.

Điều 5. Đơn vị tính để xác định thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra

1. Diện tích rừng tính bằng mét vuông (m^2).

2. Khối lượng gỗ tính bằng mét khối (m^3); thực hiện xác định khối lượng gỗ theo quy định về quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Khi xử phạt vi phạm hành chính phải quy thành gỗ tròn. Quy đổi gỗ xẻ, gỗ đẽo thành gỗ tròn bằng cách nhân với hệ số 1,6.

Đối với gỗ gốc, rễ, gỗ có hình thù phức tạp; gỗ dạng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ bao gồm cả rễ, thân, cành, lá, đối với hành vi không thể đo được đường kính, chiều dài để xác định khối lượng, thì cân trọng lượng theo đơn vị là ki-lô-gam (kg) và quy đổi cứ 1.000 kg bằng 1 m^3 gỗ tròn hoặc đo, tính theo đơn vị ster và quy đổi cứ 1 ster bằng 0,7 m^3 gỗ tròn.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Xác định số lượng đối với động vật rừng là số cá thể và cân trọng lượng theo đơn vị là kg; trường hợp không thể xác định được số cá thể thì cân trọng lượng theo đơn vị là kg.

Đối với bộ phận, dẫn xuất của động vật, thực vật rừng xác định khối lượng bằng cân trọng lượng theo đơn vị là kg hoặc bằng dung tích theo đơn vị là mi-li-lít (ml) đối với hành vi bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng ở dạng thể lỏng.

4. Xác định số lượng đối với lâm sản từ thực vật rừng ngoài gỗ bằng cân trọng lượng theo đơn vị là kg.

Điều 6. Xử lý tang vật vi phạm hành chính

1. Tang vật vi phạm hành chính bị tạm giữ

a) Đối với tang vật là vật phẩm tươi sống, động vật rừng bị yếu, bị thương không thuộc nhóm IB hoặc lâm sản khác còn tươi không thuộc nhóm IA thì người có thẩm quyền xử phạt tiến hành lập biên bản và tổ chức bán ngay theo giá thị trường địa phương tại thời điểm bán. Tiền thu được gửi vào tài khoản tạm giữ của cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt mở tại Kho bạc Nhà nước. Đối với hành vi sau đó tang vật tịch thu theo quyết định của người có thẩm quyền, thì sau khi trừ chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền còn lại nộp ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không tịch thu, thì tiền bán thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp.

Trường hợp động vật rừng chết hoặc nhiễm dịch, bệnh gây ô nhiễm môi trường mà không thực hiện được biện pháp xử lý khác ngoài biện pháp tiêu huỷ và người vi phạm không tự nguyện thực hiện tiêu huỷ hoặc không xác định được người vi phạm thì thành lập Hội đồng tiêu hủy. Thành phần Hội đồng tiêu hủy gồm: Thủ trưởng cơ quan ra quyết định tạm giữ, đại diện cơ quan Tài chính cùng cấp, cơ quan thú y. Chi phí tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính vô chủ, vắng chủ do ngân sách nhà nước chi trả.

b) Đối với lâm sản, phương tiện không có người nhận sau thời hạn tìm chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật, thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

2. Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu

a) Tang vật vi phạm hành chính là động vật rừng bị tịch thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định biện pháp xử lý.

b) Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu ngoài quy định tại Điểm a Khoản này, xử lý theo quy định tại Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 7. Áp dụng xử phạt vi phạm hành chính

1. Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này áp dụng đối với cá nhân; tổ chức vi phạm áp dụng mức phạt tiền bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân có cùng hành vi và mức độ vi phạm.

2. Những hành vi vi phạm sau đây (trừ hành vi nuôi động vật rừng nhóm IB) được xem xét để truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Hành vi vi phạm gây hậu quả vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 12, Điều 16, Điều 20; hành vi vi phạm gây hậu quả mà tang vật là thực vật rừng nhóm IA, động vật rừng nhóm IB vượt quá mức xử phạt vi phạm hành chính tối đa quy định tại Điều 21, 22, 23; hành vi vận chuyển, buôn bán gỗ trái pháp luật vượt quá mức xử phạt vi phạm hành chính tối đa quy định tại Điều 22, 23 Nghị định này.

b) Hành vi phá rừng trái pháp luật gây thiệt hại nhiều loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) tuy diện tích bị thiệt hại đối với mỗi loại rừng không vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này, nhưng tổng hợp diện tích bị thiệt hại của các loại rừng vượt quá mức thiệt hại tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với rừng sản xuất tại Điều 20 Nghị định này.

c) Hành vi khai thác, vận chuyển, buôn bán trái pháp luật đối với cả gỗ quý, hiếm, gỗ thông thường, tuy khối lượng mỗi loại gỗ không vượt quá mức tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi loại, nhưng tổng khối lượng các loại gỗ vi phạm: nhóm IA và nhóm IIA hoặc nhóm IA và gỗ thông thường hoặc cả gỗ nhóm IA, IIA và gỗ thông thường vượt quá mức tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với gỗ nhóm IIA; gỗ nhóm IIA và gỗ thông thường vượt quá mức tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với gỗ thông thường.

d) Người đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều 12, 20; vận chuyển, buôn bán gỗ trái pháp luật quy định tại Điều 22, 23 Nghị định này mà lại vi phạm về các hành vi vi phạm này.

3. Hành vi vi phạm hành chính đối với thực vật rừng, động vật rừng thuộc Phụ lục I, II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) nhưng không quy định trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, xử lý như sau:

a) Hành vi vi phạm hành chính đối với các loài thuộc Phụ lục I, xử lý hành vi vi phạm như đối với thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA, IB.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Hành vi vi phạm hành chính đối với các loài trong Phụ lục II, xử lý hành vi vi phạm như đối với thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA, IIB.

4. Hành vi vi phạm pháp luật đã khởi tố vụ án hình sự, nhưng sau đó đình chỉ hoạt động tố tụng và cơ quan có thẩm quyền đề nghị chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính, thì áp dụng xử phạt theo quy định đối với hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Nghị định này.

5. Trường hợp một hành vi vi phạm hành chính mà tang vật gồm nhiều loại lâm sản khác nhau cả gỗ thông thường và gỗ quý, hiếm (không thuộc quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này); động vật rừng thông thường và động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; gỗ và động vật rừng (chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự), thì xác định tiền phạt theo từng loại lâm sản, sau đó tổng hợp (cộng lại) thành tổng số tiền phạt chung đối với hành vi vi phạm đó.

6. Hành vi vi phạm đối với rừng đã quy hoạch cho mục đích khác, nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, thì áp dụng xử lý theo quy định đối với loại rừng tương ứng trước khi quy hoạch cho mục đích khác.

7. Hành vi vi phạm đối với lâm sản của chủ rừng do chủ rừng phát hiện thì chủ rừng tiến hành thu thập tài liệu, tang vật và báo cáo kịp thời cho người, cơ quan có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm hành chính để xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Lâm sản tịch thu trả lại chủ rừng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chủ rừng phát hiện bắt quả tang người vi phạm tại lâm phận của mình.

b) Chủ rừng không bắt quả tang người vi phạm, nhưng có đủ căn cứ chứng minh lâm sản thuộc rừng trồng do chủ rừng tự bỏ vốn đầu tư trồng rừng.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ RỪNG, SỬ DỤNG RỪNG

Điều 8. Lấn, chiếm rừng

Người có hành vi dịch chuyển mốc ranh giới rừng để chiếm giữ, sử dụng rừng trái pháp luật của chủ rừng khác, của Nhà nước bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c, diện tích bị lấn, chiếm dưới 20.000 m^2.

b) Rừng sản xuất dưới 6.000 m^2.

c) Rừng phòng hộ dưới 5.000 m^2.

d) Rừng đặc dụng dưới 4.000 m^2.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c từ 20.000 m^2 đến 30.000 m^2.

b) Rừng sản xuất từ 6.000 m^2 đến 10.000 m^2.

c) Rừng phòng hộ từ 5.000 m^2 đến 7.000 m^2.

d) Rừng đặc dụng từ 4.000 m^2 đến 5.000 m^2.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c từ trên 30.000 m^2 đến 50.000 m^2.

b) Rừng sản xuất từ trên 10.000 m^2 đến 20.000 m^2.

c) Rừng phòng hộ từ trên 7.000 m^2 đến 15.000 m^2.

d) Rừng đặc dụng từ trên 5.000 m^2 đến 10.000 m^2.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm rừng trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng 1c từ trên 50.000 m^2.

b) Rừng sản xuất từ trên 20.000 m^2.

c) Rừng phòng hộ từ trên 15.000 m^2.

d) Rừng đặc dụng từ trên 10.000 m^2.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định này đối với hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6. Người có hành vi lấn, chiếm đất lâm nghiệp xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 9. Khai thác trái phép cảnh quan, môi trường và các dịch vụ lâm nghiệp

Người có hành vi khai thác trái phép cảnh quan, môi trường và các dịch vụ lâm nghiệp bị xử phạt như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi tổ chức tham quan phong cảnh trái phép trong rừng.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng nghĩa địa, làm mộ trái phép trong rừng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức sản xuất, làm dịch vụ, kinh doanh trái phép trong rừng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 2 Điều 4 Nghị định này đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về thiết kế khai thác gỗ

Người vi phạm các quy định về thiết kế khai thác gỗ bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thiết kế khối lượng khai thác gỗ sai với thực tế (khối lượng khai thác đúng thiết kế được nghiệm thu so với khối lượng trong hồ sơ thiết kế khai thác) trong một lô rừng lớn hơn từ trên 15% đến 20%.

b) Đóng búa bài cây không đúng đối tượng, ngoài phạm vi thiết kế khai thác.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thiết kế diện tích khai thác gỗ tại thực địa sai với bản đồ thiết kế.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Thiết kế khối lượng khai thác gỗ sai với thực tế (khối lượng khai thác đúng thiết kế được nghiệm thu so với khối lượng trong hồ sơ thiết kế khai thác) trong một lô rừng lớn hơn 20%.

Điều 11. Vi phạm các quy định khai thác gỗ

Người có hành vi khai thác gỗ không đúng trình tự, thủ tục và các yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện thủ tục giao, nhận hồ sơ, hiện trường khai thác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thiết kế về phát luỗng dây leo trước khi khai thác, vệ sinh rừng sau khi khai thác và các biện pháp kỹ thuật khác bảo đảm tái sinh rừng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không chặt những cây cong queo, sâu bệnh đã có dấu bài chặt; không tận thu hết gỗ cành ngọn, cây đổ gãy trong quá trình khai thác rừng tự nhiên theo thiết kế được duyệt.

b) Mở đường vận xuất, làm bãi tập trung gỗ sai vị trí so với thiết kế. Trường hợp mở đường vận xuất, làm bãi tập trung gỗ mà gây thiệt hại rừng thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

3. Khai thác gỗ không đúng lô thiết kế hoặc chặt cây không có dấu bài chặt thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động về khai thác gỗ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này từ 06 tháng đến 12 tháng.

Điều 12. Khai thác rừng trái phép

Người có hành vi lấy lâm sản trong rừng không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được phép nhưng đã thực hiện không đúng quy định cho phép bị xử phạt như sau:

1. Khai thác trái phép rừng sản xuất

a) Đối với gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm:

- Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới 0,3 m^3.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ 0,3 m^3 đến 0,5 m^3.

- Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 0,5 m^3 đến 1,5 m^3.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 1,5 m^3 đến 2 m^3.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 2 m^3 đến 4 m^3.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 4 m^3 đến 6 m^3.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 6 m^3 đến 10 m^3.

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 10 m^3 đến 20 m^3.

b) Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép dưới 0,3 m^3.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ 0,3 m^3 đến 0,5 m^3.

- Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 0,5 m^3 đến 0,7 m^3.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 0,7 m^3 đến 1,5 m^3.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 1,5 m^3 đến 2 m^3.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 2 m^3 đến 3 m^3.

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 3 m^3 đến 7 m^3.

- Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép từ trên 7 m^3 đến 12,5 m^3.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn